

Bản án số: **83/2023/DS-ST**

Ngày: 14/7/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Đức Thắng

2. Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Thạch Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2023/TLST-DS ngày 03/04/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2023/QĐST-DS ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Ng**, sinh năm 19xx

Địa chỉ: phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: 1. Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 19

2. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 19

Cùng địa chỉ: phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Cả anh Q và chị H đều vắng mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Văn M, sinh năm 19

Địa chỉ: phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Do bà Đặng Thị Ng làm đại diện theo uỷ quyền.

Có mặt bà Ng tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/12/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Nguyên đơn là bà Đặng Thị Ng trình bày:**

Ngày 15/6/2012 bà Ng cho vợ chồng anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng có lập “Giấy vay tiền”, khi vay thì giữa hai bên có thoả thuận lãi 2,5%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền mà chỉ thoả thuận miệng, hai bên không thoả thuận về thời hạn trả nợ gốc. Từ năm 2012 đến năm 2014, chị H và anh Q đã thanh toán được 15.000.000 đồng tiền lãi (trả làm nhiều lần), sau đó không trả thêm cả tiền lãi cũng như tiền gốc.

Đến ngày 02/6/2014, anh Q và chị H xác nhận lại vào giấy vay tiền ghi ngày 15/6/2012 số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, hạn đến ngày 02/6/2016 trả hết nợ gốc cho bà Ng. Tại thời điểm xác nhận lại khoản nợ, hai bên không thoả thuận về lãi. Việc xác nhận nợ có chữ ký của cả hai vợ chồng anh Q và chị H.

Số tiền 200.000.000 đồng được bà Ng xác định là tài sản chung của bà Ng và chồng là ông Mai Văn M. Anh Q và chị H không thể chấp tài sản gì nhưng có cam kết tại Giấy vay nợ rằng nếu không trả được tiền nợ thì bà Ng có quyền lấy tài sản mà anh chị có.

Tại đơn khởi kiện, bà Ng yêu cầu Toà án buộc vợ chồng anh Q, chị H phải trả cho bà tổng số tiền 245.000.000 đồng, bao gồm 200.000.000 đồng nợ gốc và 45 triệu đồng tiền nợ lãi. Đối với số tiền lãi này, bà Ng tính từ năm 2014 đến năm 2022 là 08 năm, theo lãi suất tiết kiệm là tương đương 60 triệu đồng, bị đơn đã trả 15 triệu đồng còn 45 triệu đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng xác định: số tiền 15 triệu đồng là anh Q, chị H đã trả tiền lãi cho khoảng thời gian từ 2012 đến 2014, kể từ 2014 đến nay không trả được đồng nào. Vì vậy, bà yêu cầu vợ chồng anh Q, chị H ngoài số nợ gốc còn phải có trách nhiệm trả lãi kể từ năm 2014 đến nay theo lãi suất huy động của Ngân hàng BIDV.

Yêu cầu cụ thể của Nguyên đơn như sau:

- Đề nghị Toà án buộc bị đơn là anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho nguyên đơn là bà Đặng Thị Ng số tiền nợ gốc là **200.000.000 đồng** (hai trăm triệu đồng);

- Ngoài nợ gốc thì vợ chồng anh Q và chị H còn phải trả số tiền lãi từ 03/6/2014 đến hết năm 2022 là 7,5%/năm, còn năm 2023 là 9% căn cứ theo lãi suất của ngân hàng BIDV.

*** Bị đơn là anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không giao nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Toà án triệu tập phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (02 lần) đều vắng mặt nên không thể tiến hành ghi được lời khai, ý kiến của bị đơn được.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn M** trình bày: ông biết việc vợ ông là bà Đặng Thị Ng cho vợ chồng anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H vay tiền, ông nhất trí với lời khai của bà Ng và đề nghị Toà án bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng ông. Do sức khỏe yếu nên ông M uỷ quyền cho nguyên đơn là bà Đặng Thị Ng thay mặt ông tham gia tố tụng tại Toà án.

Tại phiên tòa:

*** Nguyên đơn** giữ yêu cầu khởi kiện và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H phải trả cho bà Ng số tiền là **200.000.000 đồng** (hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi kể từ 03/6/2014 đến nay. Ngoài ra nguyên đơn còn trình bày bổ sung: chữ viết tại phần nội dung của Giấy vay tiền ngày 15/6/2012 là do chị H viết, biểu mẫu Giấy vay tiền cũng do vợ chồng anh Q, chị H chuẩn bị sẵn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác minh thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015; Điều 302, Điều 305, Điều 471. Điều 474 BLDS 2005; Nghị quyết 326 về lệ phí, án phí tòa án,

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ng về việc buộc ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả nợ tính từ ngày 03/06/2016 đến khi ông Quân, bà Hải Anh thực hiện nghĩa vụ trả nợ với lãi suất là 7,5%/năm kể từ ngày 03/06/2016 đến ngày 31/12/2022 và 9%/năm kể từ ngày 01/01/2023.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ng đối với số tiền lãi tính từ ngày 03/06/2014 đến ngày 02/06/2016.

+ Bà Ng được miễn án phí do là người cao tuổi, ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện về việc đòi tài sản (tiền) phát sinh từ “Giấy vay tiền” ghi ngày 15/6/2012. Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi ban hành bản án sơ thẩm, các đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án.

[1.3] Bị đơn là anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn: Do mối quan hệ quen biết (gần nhà) nên bà Đặng Thị Ng đã cho vợ chồng anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H vay tiền. Ngày 15/6/2012 chị H đã viết giấy vay tiền của bà Ng với số tiền là 200.000.000 đồng, thoả thuận miêng lãi 2,5%/tháng. Đến ngày 02/6/2014, anh Q trực tiếp xác nhận (bằng văn bản, ở mặt sau của Giấy vay tiền ngày 15/6/2012) về việc có vay của bà Ng số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 02/6/2016 sẽ trả nợ, việc xác nhận lại vào ngày 02/6/2014 có chữ ký của cả hai vợ chồng anh Q, chị H ở bên người vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Q và chị H không có mặt, không có ý kiến phản hồi, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H đã vay của bà Đặng Thị Ng số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ghi ngày 15/6/2012.

[2.3] Theo Giấy vay tiền nêu trên thì đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn (02/6/2016 là ngày đến hạn trả nợ), giữa các bên không thoả thuận về lãi, lãi suất, không có tài sản bảo đảm.

[2.4] Giao dịch dân sự được xác lập năm 2012 và tiếp tục xác nhận nợ vào năm 2014 là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 **đang có hiệu lực, nội**

dung của giao dịch không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (về việc trả lãi, lãi suất), do đó việc áp dụng pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào các Điều 402, 404 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, thỏa thuận về vay nợ giữa bà Ng với anh Q, chị H có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do đã quá hạn trả nợ mà anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H không thực hiện việc trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Đặng Thị Ng, buộc Bị đơn – anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Ng số tiền nợ gốc là **200.000.000 đồng** (*hai trăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại các Điều 256, 305, 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả:

[2.5.1] Như đã nhận định ở trên, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Giao dịch dân sự được xác lập tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực. Do bị đơn “chậm thực hiện nghĩa vụ” trả nợ, nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005.

Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

[2.5.2] Về thời điểm bắt đầu tính lãi: Ngày đến hạn trả nợ là 02/6/2016, yêu cầu của nguyên đơn tính lãi từ 03/6/2014 là không có cơ sở, Hội đồng xét xử xác định “thời gian chậm trả nợ gốc” bắt đầu kể từ ngày 03/6/2016 (là ngày tiếp theo liền kề của ngày đến hạn trả nợ).

[2.5.3] Về lãi suất:

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/năm, đến nay chưa có văn bản nào thay thế. Do vậy, đây là mức lãi suất cơ bản được Ngân hàng Nhà nước công bố và áp dụng đến nay.

Xét nguyên đơn căn cứ vào lãi suất huy động của BIDV để đề nghị mức lãi suất trước thời điểm năm 2023 là 7,5%/năm, kể từ ngày 01/01/2023 là 9%/năm: xét yêu cầu của nguyên đơn có thời điểm thấp hơn mức quy định, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[2.5.4] Số tiền lãi cụ thể như sau:

- ✓ Từ 03/6/2016 đến 31/12/2022 là: $200.000.000đ \times 7,5\%/năm \times 06 \text{ năm}$
06 tháng 28 ngày = **98.650.685 đồng** (1)
- ✓ Từ 01/01/2023 đến 14/7/2023 là: $200.000.000đ \times 9\%/năm \times 07 \text{ tháng}$
14 ngày = **11.190.411 đồng** (2)

Tổng số tiền lãi là: 109.841.096 đồng (một trăm lẻ chín triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng)

[2.6] Đối với số tiền 15 triệu đồng mà nguyên đơn đã được bị đơn thanh toán là khoản tiền lãi từ thời điểm vay (15/6/2012) đến ngày xác nhận lại khoản nợ (02/6/2014) là gần 02 năm, tương đương với lãi suất 3,75%/năm là không vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận (số tiền lãi tính từ ngày 03/6/2012 đến ngày 02/6/2016), nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị, nên miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 206, 305, 402, 404, 405, 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 147, 184, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 2 Điều 12, Điều 14 và Khoản 2 Điều 26, của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị Ng về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh từ Giấy vay tiền ngày 15/6/2012.

Buộc anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Đặng Thị Ng tổng số tiền **309.841.096 đồng** (ba trăm lẻ

chín triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng), bao gồm **200.000.000 đồng** (hai trăm triệu đồng) nợ gốc và **109.841.096 đồng** (một trăm lẻ chín triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng) nợ lãi.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là bà Đặng Thị Ng buộc bị đơn là anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ lãi tính từ ngày 03/6/2014 đến ngày 02/6/2016.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị đơn là anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.492.000 đồng.

5. Bà Đặng Thị Ng và ông Mai Văn M (do bà Ng đại diện) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hồng Q và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh